

CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**
Trụ sở chính : Số 236/106/1A Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 3514 6024 Fax : 028 3514 6025
Mã chứng khoán : VTO
Sàn giao dịch : HOSE

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO (Mã CK : VTO) Công bố Quy chế công bố thông tin ban hành kèm theo quyết định số: 019/VITACO-QĐ-HĐQT ngày 06/08/2021 (có quyết định và quy chế đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



TRƯỞNG BAN TỔNG HỢP
Nguyễn Thanh Tuyên

Số : 019 /VITACO-QĐ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2021



QUYẾT ĐỊNH

V.v Ban hành Quy chế Công bố thông tin
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Căn cứ Quyết định số 2585/QĐ/BTM ngày 27/10/2005 của Bộ Thương mại về việc chuyển Công ty Vận tải Xăng dầu VITACO trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO;
Căn cứ Tờ trình ngày 06/08/2021 của Ban Tổng hợp HĐQT Công ty;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là “*Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO*”.

Điều 2: Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quy chế Công bố thông tin của Công ty trước đây không còn hiệu lực thi hành.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT, các phòng ban liên quan Công ty và các Công ty thành viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HĐQT, Văn thư.



LA VĂN ÚT

**TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO
-----000-----**

**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 8 NĂM 2021

MỤC LỤC

Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Đối tượng công bố thông tin.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ và các chữ viết tắt.....	1
Điều 3. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin.....	1
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin Công ty	2
Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin	3
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin.....	4
Điều 7. Bảo quản, lưu giữ thông tin.....	4
Chương II - CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
Mục 1 - CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ	5
Điều 8. Báo cáo tài chính năm	5
Điều 9. Báo cáo tài chính bán niên.....	6
Điều 10. Báo cáo tài chính quý	6
Điều 11. Báo cáo thường niên.....	6
Điều 12. Báo cáo về tình hình quản trị công ty (06 tháng và năm).....	6
Điều 13. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên.....	7
Mục 2 - CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG	8
Điều 14. Công bố thông tin bất thường.....	8
Mục 3 - CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU	11
Điều 15. Công bố thông tin theo yêu cầu trong thời hạn 24 giờ.....	11
Mục 4 - CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁC .12	
Điều 16. Công bố thông tin về các hoạt động của Công ty.....	12
Điều 17. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	12
Điều 18. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.13	
Chương III - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 19. Điều khoản thi hành.....	15

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng công bố thông tin

1. Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco.
2. Người nội bộ của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco.
3. Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco.
4. Người được uỷ quyền Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO.
5. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và các chữ viết tắt

Trong quy chế này những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty đại chúng là Công ty cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng Khoán.
2. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
3. Người nội bộ là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật chứng khoán. Theo đó, người nội bộ của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được uỷ quyền công bố thông tin.
4. Các từ viết tắt:
 - Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco: Công ty
 - Hội đồng Quản trị: HĐQT
 - Tổng giám đốc: TGD
 - Đại hội đồng cổ đông: ĐHĐCĐ
 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: UBCKNN
 - Sở giao dịch Chứng khoán: SGDCK
 - Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán VN: VSD
 - Công bố thông tin : CBTT

Điều 3. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo qui định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nếu các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin

4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

- Trường hợp có bất kỳ thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận biết được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

- Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là Tiếng Việt.

- Trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải có công văn giải trình cho UBCKNN, SGDCK.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin Công ty

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty;

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường

hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I và bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- Trang thông tin điện tử của SGDCK, các phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- Phương tiện công bố thông tin của VSD là trang thông tin điện tử của VSD;
- Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo qui định của pháp luật: báo, đài...

2. Khi lập hoặc thay đổi trang thông tin điện tử Công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc thay đổi trang thông tin điện tử này.

3. Trang thông tin điện tử phải có nội dung về ngành nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, đối tượng nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7 thông tư 96/2020/TT-BTC thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

6. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

7. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

8. Đối tượng công bố thông tin không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hoả hoạn...). Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng Công ty có trách nhiệm phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Bảo quản, lưu giữ thông tin

Công ty phải thực hiện việc lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định cụ thể như sau:

1. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

3. Các tài liệu khác được lưu trữ theo quy định về lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Chương II CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục 1 CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 8. Báo cáo tài chính năm

1. Nội dung Công ty phải CBTT về :

a. Báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán được chấp thuận .

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

c. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

2. Thời hạn công bố thông tin:

- Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Phương tiện, hình thức công bố:

- Trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, trên Website của công ty và gửi bản cứng đến UBCKNN, SGDCK.

Điều 9. Báo cáo tài chính bán niên

Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán “ Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty.

1. Nội dung: Như quy định tại Mục 1, Điều 8 – Quy chế này.

2. Thời hạn công bố thông tin:

Công ty phải công bố Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Phương tiện, hình thức công bố thông tin: Như quy định tại Mục 3, Điều 8 – Quy chế này.

Điều 10. Báo cáo tài chính quý

1. Nội dung: Như quy định tại Mục 1, Điều 8 – Quy chế này.

2. Thời hạn công bố thông tin:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

3. Phương tiện công bố thông tin: Như quy định tại Mục 3, Điều 8 – Quy chế này.

Điều 11. Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại phụ lục số 04 thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

2. Thời hạn công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Phương tiện và hình thức công bố: Đăng trên Website Công ty, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và gửi bản cứng đến UBCKNN, SGDCK.

Điều 12. Báo cáo về tình hình quản trị công ty (06 tháng và năm)

1. Định kỳ 06 tháng và năm, công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định tại phụ lục số 05 thông tư 96/2020/TT-BTC ngày

16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Thời hạn công bố thông tin:

Công ty phải công bố báo cáo tình hình quản trị công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

3. Phương tiện và hình thức công bố:

Đăng trên Website Công ty, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCCK và gửi bản cứng đến UBCKNN, SGDCCK.

Điều 13. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

4. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

5. Công ty phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

6. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông theo danh sách do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán VN cung cấp và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải ghi rõ đường dẫn, cách thức tải tài liệu từ trang thông tin điện tử của Công ty.



7. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ.

8. Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải cho tới khi tổ chức thành công ĐHĐCĐ. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên phải được công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Mục 2

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 14. Công bố thông tin bất thường.

I. Nội dung

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b. Khi nhân được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d. Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;

j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

k. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16

tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.

m. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

n. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

o. Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

p. Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

q. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

r. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

II. Phương tiện và hình thức công bố:

- Trên website của công ty;
- Trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK;
- Các công bố thông tin bất thường phải dưới dạng văn bản nêu đầy đủ các sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và giải pháp khắc phục (nếu có).

Mục 3

CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 15. Công bố thông tin theo yêu cầu trong thời hạn 24 giờ

1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24h, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

2. Hình thức, phương tiện công bố thông tin:

Công ty công bố thông tin theo yêu cầu thông qua trang thông tin điện tử của Công ty, qua phương tiện thông tin đại chúng hoặc phương tiện công bố thông tin của

UBCKNN, SGDCK theo thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

MỤC 4

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 16. Công bố thông tin về các hoạt động của Công ty.

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

- Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 17. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty thì tổ chức, cá nhân phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục VII thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng

dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

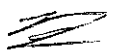
4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 18. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

1. Người nội bộ của Công ty (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau :



a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

f. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu Công ty Chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

5. Trường hợp Công ty mẹ cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 3 chương, 19 điều và có hiệu lực từ ngày ký quyết định ban hành. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy chế này do Hội đồng Quản trị quyết định.

2. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cổ đông và các cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành quy chế này.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LA VĂN ÚT